

30. Câu giả định (subjunctive)

Câu giả định hay còn gọi là câu cầu khiến là loại câu đối tượng thứ nhất muốn đối tượng thứ hai làm một việc gì. Câu giả định có tính chất cầu khiến chứ không mang tính ép buộc như câu mệnh lệnh. Trong câu giả định, người ta dùng dạng nguyên thể không có *to* của các động từ sau một số động từ chính mang tính cầu khiến. Thường có *that* trong câu giả định trừ một số trường hợp đặc biệt.

30.1 Dùng với *would rather that*

Ngữ pháp hiện đại ngày nay đặc biệt là ngữ pháp Mỹ cho phép dùng *would rather* mà không cần dùng *that* trong loại câu này.

We would rather (~~that~~) he not take this train.

30.2 Dùng với động từ.

Bảng sau là những động từ đòi hỏi mệnh đề sau nó phải ở dạng giả định và trong câu bắt buộc phải có *that* trong trường hợp đó.

advise	ask	command	decree
demand	insist	move	order
prefer	propose	recommend	request
require	stipulate	suggest	urge

Động từ sau chủ ngữ 2 ở dạng nguyên thể không chia bỏ *to*. Nếu muốn thành lập thể phủ định đặt *not* sau chủ ngữ 2 trước nguyên thể bỏ *to*.

Subject + verb + <i>that</i> + subject + [verb in simple form] + ...
--

The doctor suggested that his patient stop smoking.

The doctor suggested that his patient not stop smoking.

Nếu bỏ *that* đi thì chủ ngữ 2 sẽ trở về dạng tân ngữ và động từ sau nó trở về dạng nguyên thể có *to*, câu mất tính chất giả định, trở thành một dạng mệnh lệnh thức gián tiếp.

The doctor suggested his patient to stop smoking.

The doctor suggested his patient not to stop smoking.

Trong ngữ pháp Anh-Anh trước động từ ở mệnh đề 2 thường có *should*, người Anh chỉ bỏ *should* khi sau nó là động từ *to be* nhưng ngữ pháp Anh-Mỹ không dùng *should* cho toàn bộ động từ ở mệnh đề 2.

30.3 Dùng với tính từ.

Bảng sau là một số các tính từ đòi hỏi mệnh đề sau nó phải ở dạng giả định, trong câu bắt buộc phải có *that* và động từ sau chủ ngữ 2 ở dạng nguyên thể bỏ *to*.

advised	important	mandatory
necessary	obligatory	proposed
recommended	required	suggested
urgent	imperative	

Lưu ý rằng trong bảng này có một số tính từ là phân từ 2 cấu tạo từ các động từ ở bảng trên. Nếu muốn cấu tạo phủ định đặt *not* sau chủ ngữ 2 trước nguyên thể bỏ *to*.

It + be + adj + *that* + S + [verb in simple form]

It is necessary that he find the books.

It is necessary that he not find the books.

It has been proposed that we change the topic.

It has been proposed that we not change the topic.

Nếu bỏ *that* đi thì chủ ngữ 2 sẽ biến thành tân ngữ sau giới từ *for*, động từ trở về dạng nguyên thể có *to* và câu mất tính chất giả định trở thành dạng mệnh lệnh thức gián tiếp.

It is necessary for him to find the books.

It is necessary for him not to find the books.

It has been proposed for us to change the topic.

It has been proposed for us not to change the topic.

Lưu ý:

- Câu giả định dùng với 2 loại trên thường được dùng trong các văn bản hoặc thư giao dịch diễn đạt lời đề nghị từ phía A -> B mà không có tính bắt buộc.
- Không chỉ có động từ và tính từ mới được dùng theo dạng này, tất cả các danh từ xuất phát từ những động từ và tính từ trên đều buộc mệnh đề sau nó phải ở dạng giả định, nếu như nó diễn đạt các yếu tố trên.

There is suggestion from the doctor that the patient stop smoking.

It is recommendation that the vehicle owner be present at the court

30.4 Thể giả định trong một số trường hợp khác

- Dùng để diễn đạt một ước muốn hoặc một lời nguyện rủa, thường bao hàm các thể lực siêu nhiên.
God be with you = Good bye.
Curse this toad: Chết tiệt cái con cóc này.
- Dùng với động từ *May* trong một số trường hợp đặc biệt sau:

- Come what may = Dù thế nào chẳng nữa, dù bất cứ truyện gì.
Come what may we will stand by you.
- May as well not do sth if = Có thể đừng..... nếu không.
You may as well not come if you can't be on time.
Các anh có thể đừng đến nếu không đến được đúng giờ.
- May/Might (just) as well do smt = Chẳng mất gì mà lại không, mất gì của bộ.
Since nobody wants that job, we might (just) as well let him have it:
Vì không ai thích việc này, mình chẳng mất gì mà lại không cho hắn ta làm nó
- May diễn đạt một lời đề nghị mà người nói cho rằng chưa chắc nó đã được thực hiện:
The sign on the lawn says clearly that people may not walk on the grass.
(không dùng *should* trong trường hợp này).
- *May + S + link verb + adj* hoặc *May + S + verb + complement* (Cầu chúc cho).
May you both very happy: Chúc các bạn bách niên giai lão.
May the conference be successful: Chúc hội nghị thành công rực rỡ.
Long may she live to enjoy her good fortune: Chúc cho nàng sống lâu để hưởng vận may của nàng.
- If need be = If necessary = Nếu cần
If need be, we can take another road.
- Dùng với động từ to be, bỏ to sau if để chỉ một sự giả định chưa được phân định rõ ràng là đúng hay sai.
If that be right, then it would be no defence for this man to say he's innocent.
- Let it be me: Giả sử đó là tôi, giá phải tay tôi.
- Husband: Let it be me.
- Wife (suddenly appearing) : If that be you, what would you do.
- Be that as it may... = whether that is true or not... = Cho dù là phải thế hay không.
Be that as it may, you have to accept it.
- Then so be it: Cứ phải vậy thôi.
If we have to pay \$2,000, then so be it (thì cứ phải trả thôi)
- Câu giả định dùng với *it + to be + time*
 - *It's time (for sb) to do smt*: đã đến lúc ai phải làm gì (Thời gian vừa vặn, không mang tính giả định).
It's time for me to get to the airport: Đã đến lúc tôi phải ra sân bay.
 - *It's time (hightime/about time) (for sb) did smt*: đã đến lúc mà (thời gian đã trễ, mang tính giả định)
It's time I got to the airport
It's hightime the city government did smt to stop the traffic jam.